ĐÁNH GIÁ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP CỦA HÀ NỘI: CÁCH TIẾP CẬN ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUY HOẠCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

ThS. Lê Doãn Hải Trường[1] - TS. Nguyễn Thị Thu Phương[2] - TS. Nguyễn Văn Hậu[3]

Chiến lược phát triển các khu công nghiệp (KCN) đóng vai trò quan trọng trong phát triển bền vững các KCN, trong xác định chiến lược phát triển KCN, thì quy hoạch hiệu quả chính là chìa khóa cho sự phát triển bền vững của các KCN. Đánh giá hiệu quả thực hiện quy hoạch KCN tại Việt Nam còn thiếu khung phân tích đa chiều và hệ thống chỉ tiêu lượng hóa. Nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá tính hiệu quả thực hiện quy hoạch KCN theo hướng tiếp cận bền vững với bốn nội dung: (i) hiệu suất, (ii) tác động, (iii) lợi ích và (iv) khả năng. Các tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu Delphi để thiết lập sự đồng thuận giữa các chuyên gia trong xây dựng chỉ tiêu đánh giá và xác định trọng số của các chỉ tiêu đánh giá thực hiện chiến lược phát triển các KCN. Trọng số chỉ tiêu được xác định thông qua phương pháp Delphi hai vòng với 25 chuyên gia; mức độ đồng thuận được kiểm định bằng hệ số Kendall (W = 0,81). Kết quả áp dụng tại các KCN Hà Nội cho thấy sự khác biệt rõ rệt về hiệu quả giữa các KCN, phản ánh sự chênh lệch về chất lượng quản trị và mức độ thực thi quy hoạch. Nghiên cứu đề xuất thể chế hóa cơ chế đánh giá định kỳ và chuyển đổi mô hình phát triển KCN theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và bền vững.

• Từ khóa: *chiến lược phát triển, khu công nghiệp, hà nội, phương pháp delphi, quy hoạch.*

The development strategy of industrial parks (IP) plays a crucial role in their sustainable development. In defining IP development strategies, effective planning is the key to ensuring sustainability. The evaluation of planning implementation effectiveness for IP in Vietnam still lacks a multidimensional analytical framework and a system of quantifiable indicators. This study develops a model to assess the effectiveness of IP planning implementation based on a sustainable approach with four components: (i) efficiency, (ii) impact, (iii) benefits, and (iv) capacity. The authors employ the Delphi method to establish consensus among experts in constructing evaluation indicators and determining their weights for assessing the implementation of IP development strategies. The indicator weights are identified through a two-round Delphi process with 25 experts, and the level of consensus is tested using Kendall's coefficient (W = 0.81). The application of the model to industrial parks in Hanoi reveals significant differences in effectiveness among IP, reflecting disparities in governance quality and the level of planning implementation. The study proposes institutionalizing periodic evaluation mechanisms and transforming the IP development model toward higher quality, efficiency, and sustainability.

• Key words: *development strategy, industrial park, Hanoi, Delphi method, planning.*

Ngày nhận bài: 07/4/2026
Ngày gửi phản biện: 26/5/2026
Ngày duyệt đăng: 15/6/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i315.03

1. Đặt vấn đề

Định hướng chiến lược là cách tiếp cận dài hạn, tổng thể trong lập kế hoạch nhằm xác định hướng sử dụng nguồn lực (Schermerhorn và cộng sự, 1996). Hiệu quả thực hiện chiến lược phát triển KCN là sự kết hợp giữa hiệu quả đầu ra, tác động, lợi ích trong thực tiễn và năng lực thực hiện quy hoạch.

Các KCN Hà Nội tập trung phát triển ngành có giá trị gia tăng cao, góp phần nâng cấp công nghệ và đổi mới. Đồng thời, KCN tạo việc làm, hỗ trợ xóa đói giảm nghèo, cải thiện phúc lợi, ứng phó biến đổi khí hậu và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về KCN chủ yếu tập trung vào từng khía cạnh như đầu tư, kinh tế hoặc môi trường, trong khi còn thiếu khung đánh giá tổng hợp và mô hình rõ ràng, có thể lượng hóa để phục vụ quản lý nhà nước. Nghiên cứu này đề xuất khung đánh giá dựa trên bốn khía cạnh: hiệu suất, tác động, lợi ích và khả năng, làm nền tảng xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá KCN theo hướng bền vững.

[1] *NCS Đại học Kinh tế Quốc dân*
[2] *Trường Đại học Thương mại*
[3] *Trường Kinh tế và Quản lý công, Đại học Kinh tế quốc dân; email: nvhau@neu.edu.vn*

2. Cơ sở lý thuyết

Trong nghiên cứu về quy hoạch và quản lý phát triển, định hướng chiến lược được hiểu là cách tiếp cận lập kế hoạch dài hạn nhằm xác định phương hướng sử dụng nguồn lực và định hình mục tiêu phát triển trong tương lai (Schermerhorn và cộng sự, 1996). Hiệu quả thực hiện quy hoạch phát triển KCN được hiểu là mức độ mà quy hoạch đạt được các mục tiêu đã đề ra, đồng thời tạo ra các tác động tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội và môi trường trong thực tiễn. Theo quan điểm này, hiệu quả quy hoạch không chỉ được đánh giá thông qua kết quả đầu ra mà còn bao gồm các tác động lan tỏa, lợi ích tổng hợp và năng lực thực thi của hệ thống quản lý quy hoạch. Vì vậy, nghiên cứu này tiếp cận hiệu quả thực hiện quy hoạch KCN như sau:

Tính hiệu quả của quy hoạch = Hiệu suất + Tác động + Lợi ích + Khả năng

Cách tiếp cận này cho phép đánh giá toàn diện quá trình thực hiện quy hoạch từ góc độ kết quả, tác động phát triển và năng lực thực thi.

Thứ nhất, đánh giá hiệu suất quy hoạch phát triển KCN

Một hướng nghiên cứu quan trọng trong lĩnh vực quy hoạch là đánh giá mức độ thực hiện quy hoạch so với mục tiêu ban đầu. Hiệu suất quy hoạch phát triển KCN phản ánh mức độ hoàn thành các mục tiêu quy hoạch ban đầu thông qua các chỉ tiêu như thực hiện kế hoạch, thu hút đầu tư, giá trị sản xuất công nghiệp. Hiệu suất quy hoạch được đánh giá thông qua phân tích mục tiêu - kết quả và mức độ nhất quán giữa quy hoạch và kết quả thực hiện (Carmona & Sieh, 2005; Loh, 2011).

Thứ hai, đánh giá tác động của quy hoạch phát triển KCN

Bastida-Ruiz và cộng sự (2013) đã xây dựng bộ chỉ số đánh giá tính bền vững của KCN dựa trên ba trụ cột kinh tế - xã hội - môi trường. Shen và cộng sự (2019) xây dựng khung đánh giá hiệu quả kiểm soát mở rộng đô thị của quy hoạch sử dụng đất. Những nghiên cứu này cung cấp cơ sở phương pháp luận cho việc xây dựng các chỉ số phản ánh tác động không gian và tác động phát triển của quy hoạch KCN.

Tác động của quy hoạch phát triển KCN phản ánh ảnh hưởng lan tỏa của KCN đối với phát triển kinh tế - xã hội và cấu trúc không gian đô thị. Phương pháp đánh giá bao gồm từ phân tích không gian, tính nhất quán trong bảo vệ môi trường, cho đến mức độ hài lòng của các bên liên quan (Helga, 2017; Zhang và cộng sự, 2017).

Thứ ba, đánh giá lợi ích quy hoạch phát triển KCN

Zhao & Guo (2017) đề xuất khung đánh giá lợi ích tổng hợp của khu công nghiệp sinh thái, nhấn mạnh sự kết hợp giữa lợi ích kinh tế, môi trường và xã hội. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng nhóm tiêu chí đánh giá lợi ích trong quy hoạch phát triển KCN. Đánh giá giá trị tổng hợp của việc thực hiện quy hoạch, bao gồm lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường và quản trị. Nhóm tiêu chí này phản ánh mức độ đạt được các mục tiêu phát triển bền vững của quy hoạch (Talen, 1996; Morrison & Pearce, 2000).

Thứ tư, đánh giá khả năng quy hoạch phát triển KCN

Peng & Zhao (2010) nghiên cứu cơ chế hiệu quả không gian của quy hoạch đô thị, nhấn mạnh vai trò của năng lực thể chế trong việc triển khai quy hoạch. Các nghiên cứu này cung cấp cơ sở lý thuyết cho việc xây dựng nhóm chỉ tiêu khả năng thực thi quy hoạch, bao gồm năng lực quản lý, khả năng thích ứng chính sách và tính bền vững dài hạn của quy hoạch.

Khả năng của quy hoạch phát triển KCN phản ánh năng lực quản lý và khả năng thực thi quy hoạch trong dài hạn, bao gồm khả năng thích ứng với thay đổi môi trường kinh tế - xã hội, mức độ phối hợp thể chế và tính khả thi của quy hoạch (Peng, 2008; Ge & Hua, 2009; Zhang và cộng sự, 2012).

3. Phương pháp nghiên cứu *và nguồn dữ liệu*

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Để xác định mức độ quan trọng tương đối của các chỉ tiêu trong hệ thống đánh giá hiệu quả thực hiện quy hoạch các KCN theo quan điểm phát triển bền vững, nghiên cứu áp dụng phương pháp Delphi nhằm thu thập và tổng hợp ý kiến chuyên gia một cách có cấu trúc và đạt được mức đồng thuận khoa học.

Quy trình Delphi được triển khai theo nguyên tắc đánh giá độc lập và phản hồi có kiểm soát. Các chuyên gia thực hiện chấm điểm riêng rẽ nhằm tránh ảnh hưởng của áp lực nhóm. Điểm số được tổng hợp và kiểm tra mức độ phân tán. Quá trình Delphi được kết thúc khi phần lớn chỉ tiêu đạt đồng thời các điều kiện hội tụ (CV thấp và IQR nhỏ) và có hệ số Kendall's W cao.

Bài viết sử dụng Delphi 2 vòng nhằm xác định trọng số của các chỉ tiêu đánh giá trong bảng 1. Nhóm chuyên gia thực hiện theo phương pháp Delphi gồm 25 người (n = 25 là đảm bảo độ tin cậy nghiên cứu theo phương pháp Delphi (Linstone & Turoff, 2002) được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích, bao gồm các học giả và nhà nghiên cứu về

phát triển bền vững, nhà quy hoạch đô thị-khu công nghiệp, cán bộ quản lý-vận hành khu công nghiệp, và đại diện doanh nghiệp tại các KCN Hà Nội.

Các chuyên gia được yêu cầu đánh giá mức độ quan trọng của từng chỉ tiêu trong Bảng 1 bằng thang đo Likert 5 mức. Điểm đánh giá của chuyên gia (với là chỉ tiêu và là chuyên gia) được tổng hợp để tính điểm trung bình của chỉ tiêu:

$$\bar{s_i} = \frac{1}{n}\sum_{j=1}^{n} s_{ij}$$

Trong đó:

s_i^-: Điểm trung bình của chỉ tiêu i, phản ánh mức độ quan trọng trung bình của chỉ tiêu đó theo đánh giá của hội đồng chuyên gia.

s_{ij}: Điểm đánh giá của chuyên gia thứ j đối với chỉ tiêu i. Giá trị này được thu thập thông qua thang đo Likert 5 mức.

$$\sum_{j=1}^{n} s_{ij}$$

là Tổng điểm đánh giá của tất cả các chuyên gia từ chuyên gia thứ 1 đến chuyên gia thứ dành cho chỉ tiêu.

n: Tổng số chuyên gia tham gia khảo sát Delphi.

j: Chỉ số đại diện cho từng chuyên gia trong hội đồng Delphi, với j = 1,2,…,n.

i: Chỉ số đại diện cho từng chỉ tiêu trong hệ thống đánh giá, với i=1,2,…,m (trong đó là tổng số chỉ tiêu).

Sau đó, trọng số của từng chỉ tiêu được xác định thông qua chuẩn hóa điểm trung bình:

$$w_i = \frac{\bar{s_i}}{\sum_{k=1}^{m} \bar{s_k}} \quad (1)$$

Trong đó m là tổng số chỉ tiêu trong cùng nhóm tiêu chí. Bộ trọng số cuối cùng được sử dụng để tính điểm tổng hợp hiệu quả thực hiện quy hoạch theo khung logic "Tính hiệu quả = Hiệu suất + Tác động + Lợi ích + Khả năng".

Để bảo đảm tính tin cậy của trọng số và mức độ đồng thuận giữa các chuyên gia, nghiên cứu đánh giá sự hội tụ ý kiến dựa trên các chỉ số thống kê mô tả, bao gồm: hệ số biến thiên (CV), khoảng tứ phân vị (IQR), và hệ số Kendall's W. Chỉ tiêu được coi là đạt mức hội tụ tốt khi $CVi \leq 0.20$. Với thang đo 1-5, mức đồng thuận được xem là chấp nhận được khi $IQRi \leq 1$.

Hệ số Kendall's W nhằm xác định được mức độ đồng thuận giữa các chuyên gia (Rowe & Wright, 1999; Von Der Gracht, 2012)) khi đánh giá chính sách, kế hoạch.

- Hệ số Kendall's W được tính theo công thức:

$$W = \frac{12S}{n^2(m^3 - m)} \quad (2)$$

Trong đó:

n: số chuyên gia tham gia Delphi

m: số chỉ tiêu được đánh giá

S: tổng bình phương sai lệch của tổng thứ hạng giữa các chỉ tiêu, được tính như:

$$S = \sum_{i=1}^{m} (R_i - \bar{R})^2$$

Trong đó:

R_i: tổng thứ hạng của chỉ tiêu i do tất cả chuyên gia đánh giá

R^- : giá trị trung bình của các tổng thứ hạng

Dữ liệu chỉ tiêu được coi là có đồng thuận mạnh khi W ≥ 70%.

Sau khi có trọng số, các tác giả xác định điểm số chi tiết của các chỉ tiêu đánh giá theo công thức (3):

$$S_i = \frac{V_i}{100} \times w_i \quad (3)$$

Trong đó:

V_i = Giá trị chỉ số, chỉ số này được tính theo tỷ lệ phần trăm giữa giữa giá trị đạt được so với giá trị trong quy hoạch của KCN đặt ra trong bản quy hoạch KCN.

w_i = Trọng số của chỉ số đó (lấy từ Bảng 1).

Khi đã xác định được điểm số chi tiết của các chỉ tiêu đánh giá, thì sẽ tính được điểm số của từng nhóm tiêu chí, và được xác định theo công thức (4):

$$S_{\text{nhóm}} = \sum S_i \quad (4)$$

Dựa trên điểm số của từng nhóm tiêu chí, các tác giả tính điểm chỉ số hiệu quả thực hiện quy hoạch các KCN chính là điểm số phản ánh tính hiệu quả thực hiện quy hoạch các KCN = Điểm nhóm tiêu chí hiệu suất + Điểm nhóm tiêu chí tác động + Điểm nhóm tiêu chí lợi ích + Điểm nhóm tiêu chí khả năng, được xác định theo công thức:

$$S_{\text{tính hiệu quả}} = S_{\text{Hiệu suất}} + S_{\text{Tác động}} + S_{\text{Lợi ích}} + S_{\text{Khả năng}} \quad (5)$$

Bảng 1. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá tính hiệu quả thực hiện quy hoạch KCN

Nhóm tiêu chí	Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu đánh giá	Giải thích	Trọng số
Hiệu suất	A_1	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch	Tỷ lệ % kế hoạch đã thực hiện	6.0
	A_2	Giá trị sản xuất/tổng đầu tư KCN	Phân tích đầu vào lập kế hoạch và đầu ra thực hiện	7.2

Nhóm tiêu chí	Mã chỉ tiêu	Chỉ tiêu đánh giá	Giải thích	Trọng số
Tác động	B_1	Tỷ lệ đạt mục tiêu giá trị đầu ra	Phân tích tỷ lệ đạt mục tiêu lập kế hoạch dựa trên dữ liệu thống kê	8.2
	B_2	Tỷ lệ đạt mục tiêu việc làm		4.9
	B_3	Tỷ lệ thành công trong xúc tiến đầu tư		6.3
	B_4	Tính nhất quán phát triển quy hoạch và phát triển không gian	Phân tích chồng lớp không gian của quy hoạch và kết quả	5.9
	B_5	Tính nhất quán trang thiết bị của đơn vị bảo vệ môi trường	Phân tích tính nhất quán của mục tiêu lập kế hoạch và kết quả xây dựng hoàn thành	5.2
	B_6	Sự hài lòng về việc thực hiện kế hoạch	Phân tích sự hài lòng của thực hiện quy hoạch KCN	6.2
Lợi ích	C_1	*Kinh tế*: - Đầu tư hiện tại trong KCN/các KCN Hà Nội	Phân tích tác động của kết quả thực hiện quy hoạch đến kết quả phát triển của Hà Nội	6.2
	C_2	- GTSX hiện tại của KCN/các KCN Hà Nội		7.0
	C_3	*Xã hội*: số việc làm hiện tại trong KCN/các KCN Hà Nội		5.6
	C_4	*Sinh thái học*: tỷ lệ xử lý nước thải của KCN/ các KCN Hà Nội		5.1
	C_5	*Chính trị*: cấp độ của KCN (gán giá trị)	Phân tích ảnh hưởng của việc thực hiện quy hoạch đến nâng cấp độ của KCN	6.6
	C_6	*Quản lý*: ảnh hưởng của các quy tắc trong quy hoạch KCN đến Hà Nội	Phân tích bằng bảng câu hỏi về sự lan tỏa công nghệ trong quá trình thực hiện quy hoạch và việc thúc đẩy cũng như ảnh hưởng của nó đến sự đổi mới của Hà Nội.	4.2
Khả năng	D_1	Chỉ số thích ứng môi trường của quy hoạch	Phân tích tính khả thi và tính bền vững của việc thực hiện quy hoạch.	7.6
	D_2	Chỉ số sẵn sàng của người quản lý khi thực hiện quy hoạch		7.4

Nguồn: Nhóm tác giả

Gán giá trị: Tiêu chí này không thể đo trực tiếp bằng số liệu thống kê, vì vậy nhóm tác giả phải thiết kế thang điểm chuẩn và quy đổi các cấp độ thành giá trị số: Cấp quốc gia = 100, cấp tỉnh/thành phố = 70.

3.2. Nguồn dữ liệu và quy trình thu thập dữ liệu

Dữ liệu chủ yếu lấy từ Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (BQLCKCN&CXHN), và từ phiếu điều tra, nghiên cứu thực địa và thông tin thu thập được. Việc thu thập và phân tích dữ liệu chủ yếu được thực hiện theo quy trình sau: Bước thứ nhất, nhóm tác giả thu thập tài liệu và số liệu thống kê của BQLCKCN&CXHN theo tiêu chí trong Bảng 1. Bước thứ hai, các tác giả thiết kế bảng câu hỏi và phác thảo phỏng vấn theo nhu cầu của Bảng 1 và tính toán các trọng số cho các chỉ tiêu bằng phân tích Delphi. Bước thứ ba, tiến hành nghiên cứu thực địa tại BQLCKCN&CXHN. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng bảng câu hỏi đối với các nhà quản lý BQLCKCN&CXHN, doanh nhân, nhân viên. Bước thứ tư, xử lý dữ liệu, tính toán các chỉ số cho từng KCN Hà Nội.

4. Nghiên cứu thực nghiệm tại các khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội

4.1. Khái quát về các khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Theo Quy hoạch Thủ đô thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 và Điều chỉnh quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024, Thành phố Hà Nội trực tiếp quản lý 01 Khu công nghệ cao (KCNC) Hòa Lạc và 23 Khu công nghiệp, trong đó có 10 KCN đang hoạt động, 4 KCN đang triển khai thủ tục xây dựng hạ tầng, 2 KCN đang thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư, 9 KCN chưa chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư.

4.2. Kết quả nghiên cứu

Các tác giả đã xác định trọng số cho các thang đo theo công thức (1), kết quả được trình bày trong bảng 1. Các tác giả đã tính các giá trị: hệ số biến thiên (CV), khoảng tứ phân vị (IQR), và hệ số Kendall's W. Kết quả xác định trọng số cho thấy hệ số Kendall's W (vòng 2 có) đạt 0,809371, phản ánh mức độ đồng thuận cao giữa các chuyên gia trong việc đánh giá tầm quan trọng tương đối của các chỉ tiêu.

Sau khi xác định được trọng số, các tác giả tính toán điểm số chi tiết của các KCN trong các nhóm tiêu chí theo công thức (3), kết quả cụ thể ở bảng 2 sau:

Bảng 2. Điểm số chi tiết trong nhóm tiêu chí chia theo các KCN Hà Nội

	Nam Thăng Long	Bắc Thăng Long	Sài Đồng B	Nội Bài	Quang Minh I	Thạch Thất - Quốc Oai	Phú Nghĩa	Hỗ trợ Nam Hà Nội	Hà Nội - Đài Tư	Khu công viên CNTT	KCNC Hòa Lạc
A_1	4,2	5,5	4,2	5,1	3,2	3,5	3,1	3,2	2,1	3,1	3,2
A_2	5,23	6,5	5,5	6,1	4,5	4,7	3,9	4,2	3,1	4,2	3,5
B_1	1,99	3,2	2,3	2,2	0,7	0,7	0,8	1,1	0,5	0,6	1,2
B_2	3,33	4,1	4,3	4,1	2,6	2,4	3,0	2,3	1,8	2,5	3,1
B_3	5,45	6,1	5,5	6,4	4,5	4,2	3,9	4,1	2,5	4,3	4,1
B_4	5,87	5,2	4,7	6,2	4,5	4,8	5,0	4,5	3,2	4,5	4,1
B_5	5,68	6,5	4,8	6,1	3,2	4,1	4,3	4,5	3,0	3,1	5,1
B_6	5,38	6,3	4,4	5,8	2,9	3,9	4,1	4,2	2,8	2,7	4,8
C_1	5,12	6,6	4,1	6,7	3,2	3,1	4,1	4,7	2,2	3,1	4,7
C_2	2,28	3,5	2,0	3,2	1,1	1,8	1,9	1,1	0,8	1,1	2,2
C_3	1,69	3,4	1,5	2,1	1,1	1,0	1,2	1,2	1,0	1,1	1,7
C_4	5,28	6,3	5,0	6,4	2,1	2,1	2,5	4,5	3,6	1,9	4,7
C_5	6,87	7,8	6,1	6,1	5,1	5,3	4,7	5,5	3,8	5,1	8,5
C_6	2,81	4,1	2,5	2,3	1,7	2,0	2,0	1,8	1,8	1,5	2,3
D_1	6,01	7,2	5,6	6,5	4,1	4,5	4,8	5,4	3,2	3,9	5,6
D_2	6,75	7,0	5,9	6,8	5,0,	5,5	5,8	5,1	4,5	4,7	5,8

Nguồn: Dữ liệu lấy từ BQLCKCN&CXHN, và tính toán từ phiếu điều tra của tác giả

Trên cơ sở điểm lớp chỉ số, các tác giả tính điểm nhóm tiêu chí theo công thức (4) và xác định được chỉ số hiệu quả thực hiện quy hoạch các KCN theo công thức (5):

Và kết quả trong bảng 3:

Bảng 3. Điểm các nhóm tiêu chí của các khu công nghiệp Hà Nội

	Nhóm tiêu chí hiệu suất	Nhóm tiêu chí tác động	Nhóm tiêu chí lợi ích	Nhóm tiêu chí khả năng	Chỉ số hiệu quả thực hiện
Nam Thăng Long	9,43	22,32	24,05	12,76	68,56
Bắc Thăng Long	12,0	25,1	31,7	14,2	83
Sài Đồng B	9,7	21,6	21,2	11,5	64
Nội Bài	11,2	25	26,8	13,3	76,3
Quang Minh I	7,7	15,5	14,3	9,1	46,6
Thạch Thất - Quốc Oai	8,2	16,2	15,3	10,0	49,7
Phú Nghĩa	7,0	17	16,4	10,6	59
Hỗ trợ Nam Hà Nội	7,4	16,5	18,8	10,5	53,2
Hà Nội - Đài Tư	5,2	11	13,2	7,7	37,1
Khu công viên CNTT	7,3	15	13,8	8,6	44,7
KCNC Hòa Lạc	6,7	17,6	21,1	14,4	59,8

Nguồn: Dữ liệu lấy từ BQLCKCN&CXHN, và tính toán từ phiếu điều tra của tác giả.

Kết quả cho thấy, trong quy hoạch KCN Hà Nội, KCN Bắc Thăng Long có hiệu quả thực hiện cao nhất. KCN này rộng khoảng 274 ha, thuộc huyện Đông Anh, là một trong những KCN hình thành sớm và tiêu biểu của Hà Nội, với hạ tầng hoàn thiện và tỷ lệ lấp đầy đạt 100%. Chủ đầu tư hạ tầng là liên doanh giữa Tập đoàn Sumitomo và Công ty Cơ khí Đông Anh. Hiện có 85 dự án thuê đất và 14 văn phòng đại diện nước ngoài, toàn bộ là FDI, chủ yếu từ Nhật Bản, tập trung vào điện tử, cơ khí chính xác và công nghiệp hỗ trợ.

Chỉ số hiệu quả của KCN Bắc Thăng Long đạt 83 điểm, phản ánh quy hoạch định hướng tốt, thu hút đầu tư hiệu quả và cân bằng giữa sản lượng và năng lực thực hiện. Tuy nhiên, vẫn cần cải thiện tiến độ thực hiện và tối ưu lợi ích kinh tế - xã hội - môi trường. Quy hoạch có tính nhất quán không gian cao, được công chúng đồng thuận và có khả năng thích ứng.

Ngược lại, KCN Hà Nội - Đài Tư có hiệu quả thấp nhất (37 điểm), dù đã hoàn thiện hạ tầng và hoạt động ổn định. Hà Nội cũng chưa quy hoạch rõ ràng về yếu tố xã hội và môi trường, đặc biệt là nhà ở cho công nhân, dẫn đến thiếu quỹ đất và khó khăn trong triển khai, ảnh hưởng đến tác động xã hội của KCN.

Về hiệu suất, có sự phân hóa rõ: Nội Bài và Nam Thăng Long đạt cao nhất, trong khi Hà Nội - Đài Tư thấp nhất. Hiệu suất phụ thuộc vào vị trí, hạ tầng và khả năng thu hút đầu tư. Một số KCN chưa chuyển hóa hiệu quả vốn đầu tư thành giá trị sản xuất, và việc tạo việc làm chưa đồng đều.

Về tác động, Nội Bài và Nam Thăng Long có ảnh hưởng lan tỏa mạnh nhất, trong khi Hà Nội - Đài Tư thấp. Không gian quy hoạch nhìn chung khá nhất quán, nhưng còn tồn tại tình trạng sử dụng đất chưa tối ưu và phân tán ngành nghề.

Về lợi ích, các KCN có sự chênh lệch lớn; Nội Bài và Nam Thăng Long đạt cao nhất. Các KCN đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng công nghiệp, thu hút FDI, tạo việc làm và thúc đẩy đô thị hóa. Tuy nhiên, lợi ích môi trường còn chưa đồng đều, cần nâng cao tiêu chuẩn và giám sát.

Về khả năng thực hiện, Nội Bài và Nam Thăng Long có năng lực quản lý và thích ứng cao, trong khi Hà Nội - Đài Tư thấp hơn. Nhìn chung, hiệu quả KCN phụ thuộc lớn vào năng lực quản trị, mức độ hoàn thiện hạ tầng và khả năng thu hút đầu tư.

Kết quả cho thấy sự phân hóa thành ba nhóm: nhóm hiệu quả cao (hạ tầng tốt, quản trị mạnh, thu hút FDI tốt), nhóm trung bình (đạt kinh tế nhưng hạn chế về môi trường và xã hội), và nhóm thấp (triển khai chậm, hiệu quả sử dụng đất và vốn thấp). Hạn chế chính gồm thiếu cơ chế kiểm soát quy hoạch, liên kết chưa đồng bộ với đô thị và tích hợp công nghiệp - đô thị còn yếu.

Do đó, Hà Nội cần xây dựng cơ chế đánh giá định kỳ, chuyển từ mở rộng sang nâng cao chất lượng đầu tư, tăng liên kết quy hoạch và nâng cao quản lý môi trường để phát triển bền vững.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã xây dựng khung đánh giá hiệu quả thực hiện quy hoạch KCN theo hướng bền vững và áp dụng tại Hà Nội. Kết quả cho thấy sự khác biệt rõ rệt giữa các KCN, phản ánh vai trò quan trọng của năng lực quản trị và mức độ thực thi quy hoạch. Việc thể chế hóa cơ chế đánh giá hiệu quả và chuyển đổi mô hình phát triển là điều kiện quan trọng để đảm bảo phát triển KCN bền vững trong giai đoạn tới.

Nghiên cứu vẫn còn hạn chế do khó khăn trong việc đưa đại diện cộng đồng địa phương và nhóm lao động vào hội đồng chuyên gia. Đây là hướng cần được mở rộng trong các nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo:

Talen, E. (1996), After the Plans: Methods to Evaluate the Implementation Success of Plans. J. Plan. Educ. Res., 16,79-91.

Morrison, N.; Pearce, B. (2000) Developing indicators for evaluating the effectiveness of the UK land use planning system. Town Plan. Rev, 71,191.

Ge, D.; Hua, C. (2009), Research on New System and Model Construction for Rural Adaptable Planning. J. Urban Plan., 06, 60-67.

Zhang, S.; Guo, K.; Zhu, D. (2012), Yunnan urban system planning Adaptability Practice, Planners, 28,35-39+49.

Peng, O. (2008), Urban Planning Evaluation Moreland Method in the Perspective of Public Policy. City Plan. Rev,12, 22-28.

Loh, C.G. (2011),Assessing and Interpreting Non-conformance in Land-use Planning Implementation, Plan. Prac. Res., 26, 271-287.

Helga, V.B. (2017), Residential satisfaction: The resident's experience as an urban planning tool, The case of the embajadores neighborhood, madrid. URBANO, 20, 88-101.

Carmona, M.; Sieh, L. (2005), Performance Measurement Innovation in English Planning Authorities, Plan. Theory Prac, 6, 303-333.

Bastida-Ruiz, E.; Franco-Garcia, M.-L.; Kreiner, I. (2013), Analysis of indicators to evaluate the industrial parks contribution to sustainable development, Manag. Res. Rev. 36,1272-1290.

Zhao, H.; Guo, S. (2017), Comprehensive benefit evaluation of eco-industrial parks by employing the best-worst method based on circular economy and sustainability, Environ. Dev. Sustain, 20,1229-1253.

Schermerhorn, J.R., Davidson, P., Factor, A., Poole, D., Woods, p., Simon, A., & McBarron, E. (1996), "Management (6th edn)", Published by John Wiley & Sons, Inc., New York, United States of America.

Shen, X.; Wang, X.; Zhang, Z.; Lu, Z.; Lv, T. (2019), Evaluating the effectiveness of land use plans in containing urban expansion: An integrated view. Land Use Policy, 80, 205-213.

Rowe, G. & Wright, G. (1999), "The Delphi technique as a forecasting tool: issues and analysis", International journal of forecasting, 15(4), 353-375.

Von Der Gracht, H. A. (2012), "Consensus measurement in Delphi studies: review and implications for future quality assurance", Technological forecasting and social change, 79(8), 1525-1536.

Peng, K.; Zhao, M. (2010), Urban Spatial Performance and Urban Planning efficiency, City Plan. Rev, 34, 9-17.